

Số: **48/2025/QĐST-HNGĐ**

N, ngày 25 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu*: Ông **Nguyễn Duy D**, sinh năm 1978 và Bà **Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Tổ B, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 17 tháng 4 năm 2025, người yêu cầu là ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N tự nguyện kết hôn vào ngày 21/9/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, Quận N, TP Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2017, quyển số 02/2016 do Ủy ban nhân dân phường M, Quận N, TP Đà Nẵng cấp ngày 21/9/2017). Trong quá trình chung sống, 2 vợ chồng có nhiều điểm không hợp và hay cãi vã nhau dẫn đến xung đột. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai vợ chồng ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N có 02 con chung tên là Nguyễn Duy A, sinh ngày: 04/01/2011 và Nguyễn Duy T, sinh ngày: 05/10/2012. Ông bà thỏa thuận khi ly hôn giao cả 02 con Nguyễn Duy A và Nguyễn Duy T cho bà Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Duy D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 con (1.000.000 đồng/tháng/ con). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu từ ngày

30/4/2025 cho đến khi các con Nguyễn Duy A và Nguyễn Duy T lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về tài nợ chung: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0003725 ngày 25/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2017, quyền số 02/2016 do Ủy ban nhân dân phường M, Quận N, TP Đà Nẵng cấp ngày 21/9/2017).

- Về con chung: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Duy A, sinh ngày: 04/01/2011 và Nguyễn Duy T, sinh ngày: 05/10/2012. Ly hôn, ông bà thống nhất giao cả 02 con Nguyễn Duy A và Nguyễn Duy T cho bà Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Duy D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 con (1.000.000 đồng/ tháng/ con). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 30/4/2025 cho đến khi các con Nguyễn Duy A và Nguyễn Duy T lần lượt đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị Ánh N mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0003725 ngày 25/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường M, Quận N, TP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa

